TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/DS-ST
Ngày: 03-3-2020
V/v "tranh chấp đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Bà Lê Thị Lan Phương.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đinh Thị Khuyến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Ông Lê Đình Thìn – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 218/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2019/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp đòi tài sản", giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1926; địa chỉ: Số A, đường B, khu phố C, thị trấn D, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1975; địa chỉ: Số A, đường B, khu phố C, thị trấn D, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 26/6/2019). Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ F, ấp G, xã H, huyện J, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt không có lý do.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị Kim B, sinh năm năm 1962; địa chỉ: Tổ F, ấp G, xã H, huyện J, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt không có lý do.

- *Người làm chứng*:

1. Ông Nguyễn Chí D. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Chung G. Có mặt.

3. Ông Nguyễn Trường T1. Có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Thanh V. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/6/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày: Trước đây ông P có làm đơn khởi kiện ông Nguyễn Mạnh T về việc đòi tài sản. Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết. Nhưng do tuổi cao nên ông P không thể đi lại tham gia quá trình giải quyết nội dung vụ án nên ông P đã ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1963 là con ruột ông P để thay mặt ông P tham gia giải quyết vụ kiện. Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện D giải quyết với nội dung là ông Nguyễn Mạnh T trả cho ông P số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng). Sau đó ông P có làm đơn yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện D thi hành số tiền trên và đến ngày 03/12/2013 thì ông P cùng với con ruột là Nguyễn Mạnh H đến Chi cục Thi hành án để nhận tiền. Tại Chi cục Thi hành án thì phiếu chi ngày 03/12/2013 là do chính ông P ký tên, đơn xin không nhận tiền lãi là do ông P và ông H ký tên nhưng người đếm tiền và nhận tiền là do ông H. Sau khi nhận tiền thì ông H cầm tiền của ông P bỏ vào cốp xe máy honda của ông H và ông H chở ông P về nhà ông H (vì trước đó ông P ở nhà của ông H). Sau khi về nhà thì ông H có lấy ra số tiền 120.000.000 đồng trực tiếp đưa cho các con ông P là Nguyễn Chung G, Nguyễn Trí D, Nguyễn Trường T1 hết số tiền 120.000.000 đồng (vì trước đó ông P có hứa cho các con ông P nói trên số tiền 120.000.000 đồng, mỗi người là 40.000.000 đồng), trả nợ cho con gái ông P là Nguyễn Thanh V hết số tiền 55.000.000 đồng, ông P có hứa cho ông H số tiền 600.000.000 đồng (tất cả những lần cho này là do ông H tự chiết khấu từ số tiền 1.500.000.000 đồng ra và đưa cho ông G, ông D, ông T1 và bà V là 165.000.000 đồng, còn lại là do ông H tự giữ). Như vậy số tiền ông P còn lại là 680.000.000 đồng. Số tiền này ông H cất giữ và có hứa sẽ bỏ tiền vào ngân hàng cho ông P. Nhưng sau đó ông P phát hiện ông H không gửi tiền vào ngân hàng mà lấy số tiền trên của ông P cất giữ. Ông H còn giam ông P trong nhà, không cho ông P gặp bất kỳ ai và còn hành hung ông P. Sau đó các con ông P phát hiện và nhờ sự giúp đỡ của Công an xã H và đưa ông P về huyện D sinh sống cho đến nay. Khi các con ông P đưa ông P về huyện D để ở thì ông P chỉ mang theo áo quần và số tiền khoảng 20.000.000 đồng của ông P tiết kiệm trước đó. Số tiền còn lại 680.000.000 đồng do ông H cất giữ từ khi lấy ở Chi cục Thi hành án dân sự huyện D cho đến nay không trả cho ông P. Ông P đã nhiều lần yêu cầu ông H trả lại số tiền trên nhưng ông H không thực hiện. Vì vậy, ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Mạnh H trả lại cho ông P 680.000.000 đồng (sáu trăm tám mươi triệu đồng).

Bị đơn ông Nguyễn Mạnh H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim B đã được được Tòa án triệu tập hợp lệ trong suốt quá trình tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại bản tự khai ngày 18/10/2019 và tại phiên tòa người làm chứng ông Nguyễn Trí D, ông Nguyễn Chung G và ông Nguyễn Trường T1 thống nhất trình

bày: Vào ngày 03/12/2013 cha ông D, ông G, ông T1 là ông Nguyễn Văn P có nhận số tiền 1.500.000.000 đồng do con ruột là Nguyễn Mạnh T giao tại Chi cục Thi hành án huyện D. Khi nhận tiền thì con ruột là Nguyễn Mạnh H, cất giữ vào cóp xe. Sau khi nhận tiền thì ông H chở ông P về nhà tại xã H, huyện J, tỉnh Bình Dương và có hứa sẽ gửi vào ngân hàng cho ông P. Tại nhà của ông H thì ông P có kêu ông H lấy ra đưa cho ông D, ông G, ông T1 mỗi người 40.000.000 đồng, sau đó ông H kêu vợ là bà B lấy tiền ra đưa cho mọi người, việc đưa tiền thì ông H có kêu ông D, ông G, ông T1 ký vào giấy biên nhận tiền, giấy biên nhận tiền thì ông H cất giữ. Số tiền còn lại thì ông H giữ hết.

Tại tại phiên tòa người làm chứng bà Nguyễn Thị Thanh V trình bày: Trước đây khoảng tháng 8 năm 2013 ông H có mượn của bà V số tiền 30.000.000 đồng để đóng tạm ứng án phí trong vụ kiện ông T để đòi lại số tiền 1.500.000.000 đồng. Khoảng 10 ngày sau khi nhận tiền từ Chi cục Thi hành án thì ông H có đem trả cho bà V số tiền 30.000.000 đồng và đưa thêm số tiền 25.000.000 đồng mà ông H nói là công bà V nuôi dưỡng ông P thời gian 8 tháng. Số tiền mà ông H trả cho bà V là số tiền ông P có được từ việc kiện ông T. Ngoài ra bà V không biết gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong suốt quá trình tố tụng là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, bởi vì căn cứ vào lời khai của những người làm chứng là ông D, ông G, ông T1 xác định ông H là người nhận tiền và đưa tiền cho bà B cất giữ. Những người làm chứng không có mâu thuẫn gì với ông H nên lời khai của những người làm chứng là khách quan, trung thực. Hơn nữa bà B cho rằng số tiền 300.000.000 đồng có trong Ngân hàng Nông nghiệp chi nhánh L là tiền bán đất cho cha ruột là ông N nhưng trong quá trình điều tra ông N không thừa nhận sự việc mua đất của bà B. Do đó, lời khai của bà B có mâu thuẫn và không chứng minh được nguồn gốc số tiền 300.000.000 đồng. Từ những chứng cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp đòi tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hiện bị đơn đang cư trú tại xã H, huyện J, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Mạnh H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông H, bà B vắng

mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà B theo điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Hội đồng xét xử xét thấy theo biên bản lấy lời khai ngày 06/3/2015 của Công an huyện J đối với ông Nguyễn Mạnh H (BL 138) thì ông Nguyễn Mạnh H là con ruột của ông Nguyễn Văn P. Ông P có ủy quyền cho ông Nguyễn Mạnh H khởi kiện ông Nguyễn Mạnh T về việc đòi lại tài sản số tiền 1.500.000.000 đồng. Vụ việc đã được Tòa án nhân dân huyện D thụ lý giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Theo đó ông Nguyễn Mạnh T đồng ý trả lại cho ông Nguyễn Văn P số tiền 1.500.000.000 đồng. Ngày 03/12/2013 ông T nộp số tiền 1.500.000.000 đồng cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, cùng ngày, ông H điều khiển xe mô tô chở ông P đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện D nhận số tiền 1.500.000.000 đồng. Sau khi trừ án phí thi hành án 45.000.000 đồng thì còn lại số tiền 1.455.000.000 đồng. Số tiền này ông P là người nhận tiền, sau đó ông H giữ số tiền bỏ vào cóp xe và chở ông P về nhà tại xã H, huyện J, tỉnh Bình Dương.

Sau khi về nhà ông H thì ông H đã cầm toàn bộ số tiền đưa cho vợ là bà Nguyễn Thị Kim B đem vào phòng của ông H cất giữ. Tại đây ông P đồng ý cho 5 người con của ông P mỗi người 40.000.000 đồng. Sau đó ông H đã kêu bà B lấy tiền đưa cho Nguyễn Chung G, Nguyễn Trường T1, Nguyễn Trí D mỗi người 40.000.000 đồng, tổng cộng là 120.000.000 đồng (riêng Nguyễn Anh T2 và Nguyễn Phát Đ không có mặt nên ông H hứa sẽ giao sau). Khoảng 10 ngày sau thì ông H đem số tiền 55.000.000 đồng đến trả cho bà V trong đó bao gồm 30.000.000 đồng ông P đã vay của bà V trước đó và 25.000.000 đồng là tiền công bà V nuôi dưỡng ông P, số tiền còn lại là 680.000.000 đồng . Điều này phù hợp với lời khai của nguyên đơn và của những người làm chứng là ông G, ông D, ông T1 và bà V. Đồng thời trong quá trình điều tra tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện J bà B cho rằng số tiền 300.000.000 đồng của bà B có trong tài khoản ngân hàng Aghibank chi nhánh L có được là do bán đất cho cha ruột là ông N, tuy nhiên ông N không thừa nhận sự việc này, lời khai của bà B là không đúng, không chứng minh được nguồn gốc của số tiền 300.000.000 đồng. Như vậy có đủ căn cứ để xác định ông H, bà B là người cất giữ số tiền 1.455.000.000 đồng của ông P tại nhà riêng của ông H ở xã H, huyện J, tỉnh Bình Dương.

Trong quá trình điều tra tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện J mặc dù ông H, bà B cho rằng đã giao lại toàn bộ số tiền 1.455.000.000 đồng cho ông P khi về đến nhà của ông H nhưng Hội đồng xét xử thấy việc ông P hứa thưởng cho ông H số tiền 600.000.000 đồng khi khởi kiện ông T. Trong trường hợp ông H đã giao hết tiền 1.455.000.000 đồng cho ông P thì lẽ ra ông H đã yêu cầu ông P trích lại số tiền 600.000.000 đồng cho ông H nhưng từ khi nhận tiền cho đến nay ông H không đề cập, không thắc mắc, không có ý kiến gì với ông P về việc này. Do đó lời trình bày của ông H cho rằng đã giao hết số tiền 1.455.000.000 đồng cho ông P là hoàn toàn không có căn cứ. Đồng thời, trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập nhiều lần ông H và bà B để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa và cung cấp chứng cứ chứng minh cho Tòa án nhưng

ông H, bà B vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Như vậy, ông H và bà B đã từ bỏ quyền chứng minh và nghĩa vụ của mình nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 680.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự.

[4] Theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn ông Nguyễn Văn P chỉ yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Mạnh H trả số tiền 680.000.000, không yêu cầu gì đối với bà B. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông Nguyễn Mạnh H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 680.000.000 đồng.

[5] Quan điểm về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 39, 147, 227, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 158, 163, 164, 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P đối với bị đơn ông Nguyễn Mạnh H về việc "Tranh chấp đòi tài sản".

- Buộc ông Nguyễn Mạnh H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền 680.000.000 đồng (sáu trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Mạnh H phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Quang Tuấn

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Thu **Trần Quang Tuấn**
Bùi Thanh Hải